

GALAXY
doors

Nhà đẹp từ cửa

GALAXY DOORS

2020-2021 PRODUCT CATALOGUE

STEEL DOORS & WPC



GLX-STEEL 954

GD603-85



GLX-STEEL 955

GD303-Q5 | G7302-T1

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !

GD601-85



GB805-Q5



GD303-Q5



GD603-85



UR901-U3



G4712-C2



G6910-G8



A7004-F0

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 111

GB805-Q5



GLX-WPC 954-1

UR901-U3



GLX-WPC 956-2

G7302-T1 | GD303-Q5

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Wood plastic composite leaf

Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 944

G6910-G8



GLX-WPC 208-1

G4712-C2



GLX-WPC 956-3

GD603-85



G7302-T1



MT104



MM902



MQ808



M8707



FZ805



US201



WAR05



GLX-STEEL 951-1

G7302-T1



GLX-STEEL 940

A7004-F0

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !

GD601-85



GB805-Q5



GD303-Q5



GD603-85



UR901-U3



G4712-C2



G6910-G8



A7004-F0

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 944

GD303-Q5



GLX-WPC 953-1

G6910-G8



GLX-WPC 944-1

UR901-U3

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Wood plastic composite leaf

Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 951-3

G6910-G8



GLX-WPC 953-3

A7004-F0



GLX-WPC 944

G7302-T1



G7302-T1



MT104



MM902



MQ808



M8707



FZ805



US201



WAR05



GLX-STEEL 503

VG13



GLX-STEEL 509

VG12

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

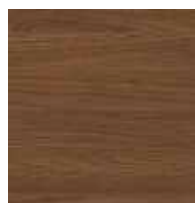
Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

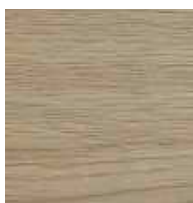
Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG12



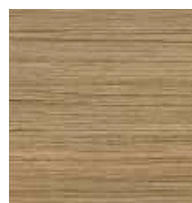
VG13



VG14



VG15



VG16



VG18

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 111

US201



GLX-WPC 325-2

MQ808



GLX-WPC 325-5

FZ805

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Wood plastic composite leaf

Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 207

MT104



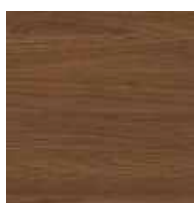
GLX-WPC 207-4

MM902



GLX-WPC 944

M8707



MT104



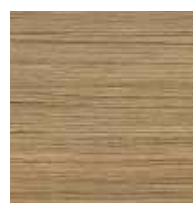
MM902



MQ808



M8707



FZ805



US201



GLX-STEEL 501

VG12



GLX-STEEL 502

VG18

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

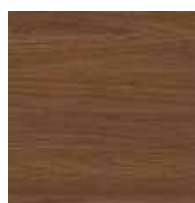
Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG12



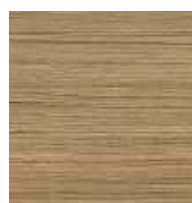
VG13



VG14



VG15



VG16



VG18

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 111

MQ808



GLX-WPC 329

MM902



GLX-WPC 330

M8707

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Wood plastic composite leaf

Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 111

US201



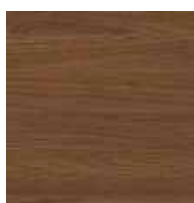
GLX-WPC 331

FZ805



GLX-WPC 332

MM902



MT104



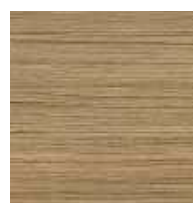
MM902



MQ808



M8707



FZ805



US201



GLX-STEEL 128

VG18



GLX-STEEL 508

VG16

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

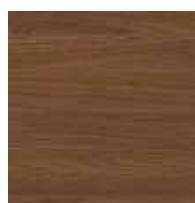
Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG12



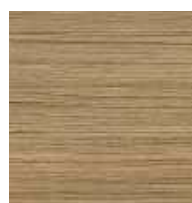
VG13



VG14



VG15



VG16



VG18

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

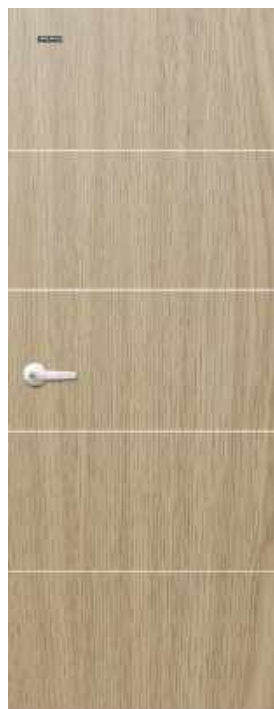
Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 208-3

US201



GLX-WPC 208-1

MQ808



GLX-WPC 325-6

FZ805

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Wood plastic composite leaf

Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 334-2

MT104



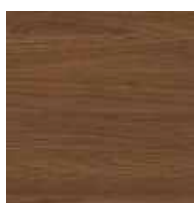
GLX-WPC 334-1

MM902



GLX-WPC 325-7

M8707



MT104



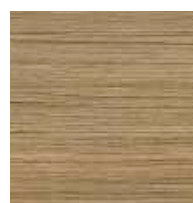
MM902



MQ808



M8707



FZ805



US201



GLX-STEEL 702-1

GD602-85



GLX-STEEL 702-2

T136 B61-01

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

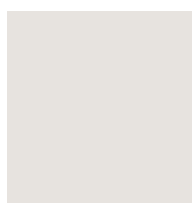
Vật liệu trong cánh:

Honeycomb, Magnesium Oxide

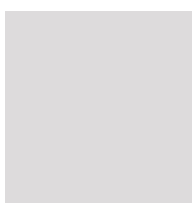
Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

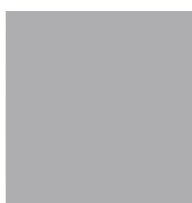
These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !

HI46 A03-08



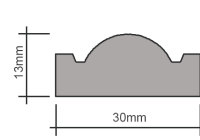
T136 B61-01



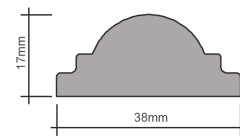
HI46 M09-05



HI16 G01-10



157-1



NT 30-0

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 403-1

GD601-85



GLX-WPC 403-2

GD601-85



GLX-WPC 402-3

HI46 M09-05

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

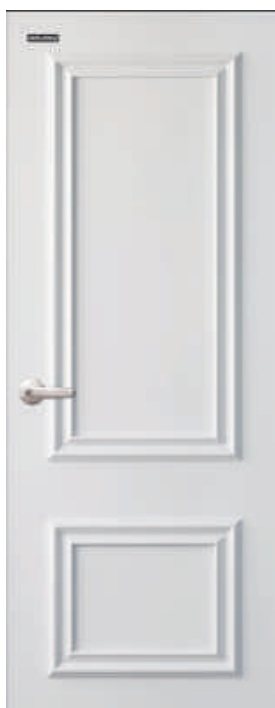
Mặt cánh phủ Laminate PVC

Wood plastic composite leaf

Cánh WPC nguyên khối

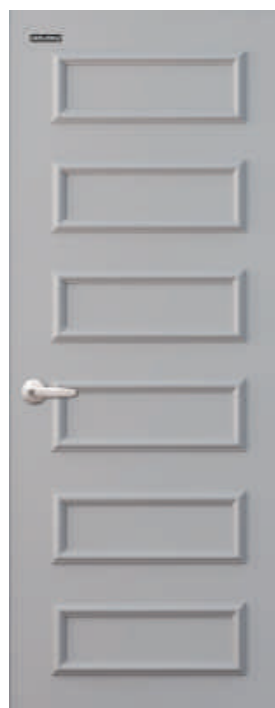
Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 402-2

TI36 B61-01



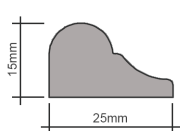
GLX-WPC 404

HI46 M09-05

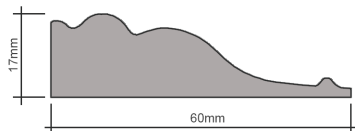


GLX-WPC 405

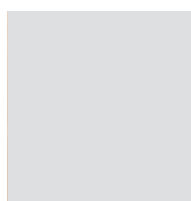
HI16 G01-10



NT 25-0



NT 60-0



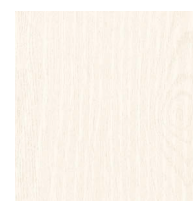
WAL94



GD602-85



GD601-85



WAR05



GLX-STEEL 701

VG12 | W05-600



GLX-STEEL 701

VG13 | W199-600

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

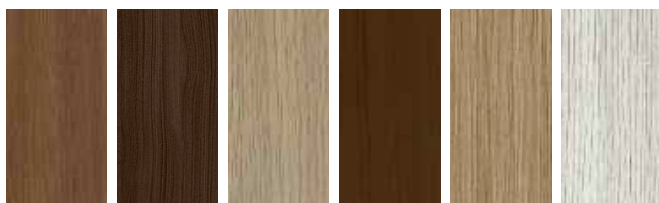
Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG12

VG13

VG14

VG15

VG16

VG18

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

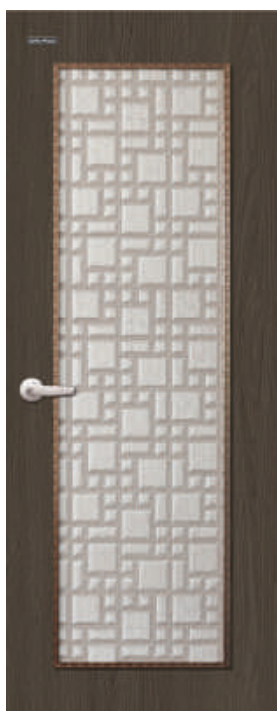
Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 401

G7302-T1 | W041-60



GLX-WPC 401

A7004-F0



GLX-WPC 401

WAR05

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Wood plastic composite leaf

Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



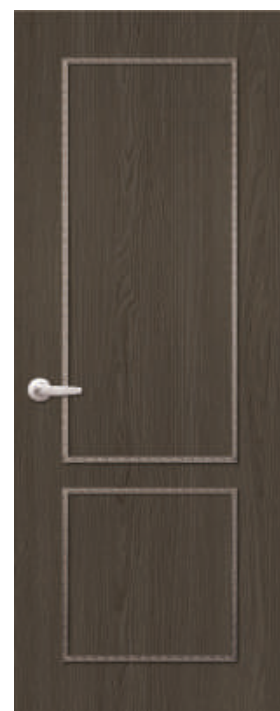
GLX-WPC 401

WAR05 | G4712-C2



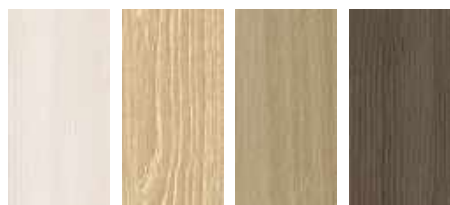
GLX-WPC 402-4

G4712-C2



GLX-WPC 402-4

G7302-T1

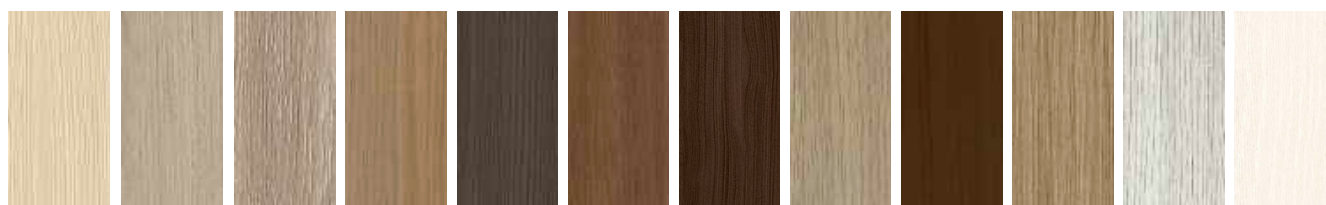


GD601-85

GB805-Q5

GD303-Q5

GD603-85



UR901-U3

G4712-C2

G6910-G8

A7004-F0

G7302-T1

MT104

MM902

MQ808

M8707

FZ805

US201

WAR05



GLX-STEEL 108A | VG15
GLX-WPC 326 | M8707



GLX-STEEL 126 | VG12

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

850-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

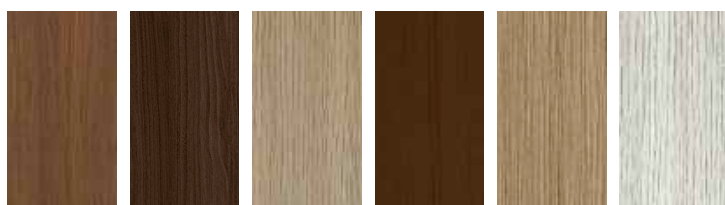
Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG12

VG13

VG14

VG15

VG16

VG18

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

850-1000 (W) x 2000-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-STEEL 101

GLX-WPC 341



GLX-STEEL 108A

GLX-WPC 326



GLX-STEEL 125

GLX-WPC 117



GLX-WPC 327



GLX-STEEL 102

GLX-WPC 340



GLX-STEEL 103A

GLX-WPC 325



G4712-C2



G6910-G8



A7004-F0



G7302-T1



GD601-85



GB805-Q5



GD303-Q5



GD603-85



UR901-U3



WAR05



GLX-STEEL 130

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

2200-2700 (W) x 1950-2400 (H)

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

2540-2940 (W) x 2350-3000 (H)

Leaf sheet, thickness

0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness

1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes

110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes

50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

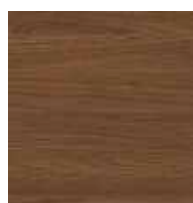
Phụ kiện Galaxy đồng bộ

GLX-STEEL 130G

VG12

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG12



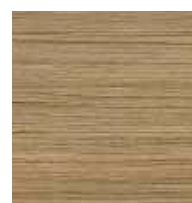
VG13



VG14



VG15



VG16



VG18

GLX-STEEL 129

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

1640-1770 (W) x 1950-2400 (H)

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

1640-1770 (W) x 2350-3000 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-STEEL 129L

VG12



GLX-STEEL 129G

VG12

GLX-STEEL 128

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

1200-1400 (W) x 1950-2400 (H)

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

1300-1500 (W) x 2350-3000 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



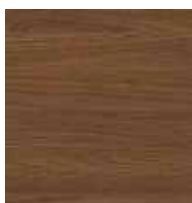
GLX-STEEL 128F

VG12



GLX-STEEL 130GG

VG12



MT104



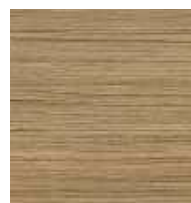
MM902



MQ808



M8707



FZ805



US201



GLX-STEEL 114

BH 827



GLX-STEEL 116

BH 819 | T136 B61-01

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

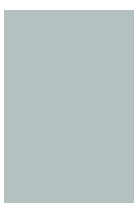
Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

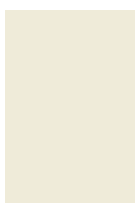
Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



H146 M09-05



H116 G01-10



H146 A03-08



T136 B61-01



H146 V45-11



H136 G96-03



E270 G05-01

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 229

DJ601-42



GLX-WPC 123

KAT35-70



GLX-WPC 123

GAK14-70

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 38

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Wood plastic composite leaf

Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



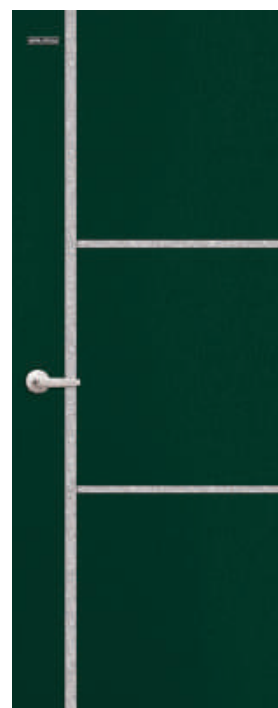
GLX-WPC 228

DJ604-42



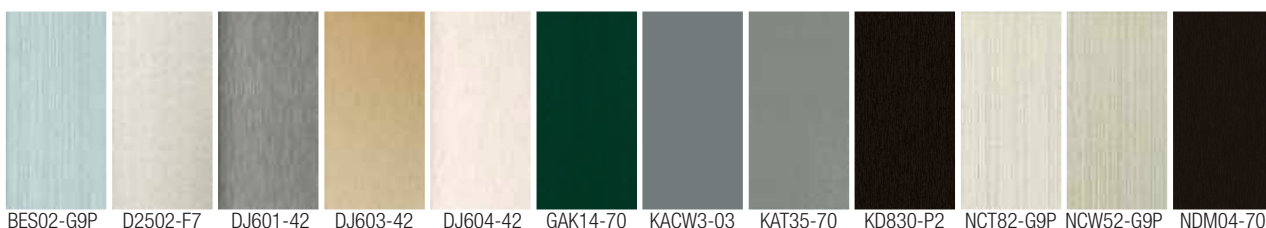
GLX-WPC 228

KAT35-70



GLX-WPC 228

GAK14-70



BES02-G9P

D2502-F7

DJ601-42

DJ603-42

DJ604-42

GAK14-70

KACW3-03

KAT35-70

KD830-P2

NCT82-G9P

NCW52-G9P

NDM04-70



GLX-STEEL 804

T136 B61-01



GLX-STEEL 803

H146 M09-05

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2300 (H)

Leaf sheet, thickness 1.0-1.2

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.4-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Honeycomb, Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

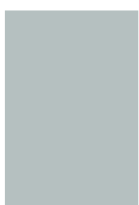
Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

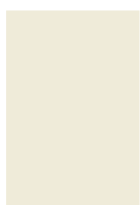
Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



H146 M09-05



H116 G01-10



H146 A03-08



T136 B61-01



Y150 B24-67



E150 G03-01



E270 M01-06

PVC DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1500 (W) x 1900-2300 (H)

Door frame width sizes 100-155

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 36

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 513

GD601-85



GLX-WPC 513

GD601-85



GLX-WPC 512

GD601-85



GLX-WPC 501

GD303-Q5



GLX-WPC 514

GD303-Q5



G4712-C2



G6910-G8



A7004-F0



G7302-T1



GD601-85



GB805-Q5



GD303-Q5



GD603-85



UR901-U3



WAR05



GLX-STEEL 311

E150 G03-01



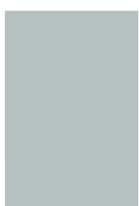
GLX-STEEL 418

T136 B61-01

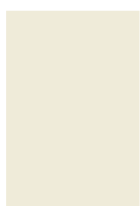
GLX-STEEL 311/ GLX-STEEL 418 can be produced with a different color code . Please inquire before ordering



H146 M09-05



H116 G01-10



H146 A03-08



T136 B61-01



Y150 B24-67



E150 G03-01



E270 M01-06

GLX-STEEL 302/311
Standard size (mm)
Kích thước tiêu chuẩn
860-1000 (W) x 2000-2600 (H)

GLX-STEEL 418/419
Standard size (mm)
Kích thước tiêu chuẩn
1200-2400 (W) x 2000-2600 (H)

GLX-STEEL 412
Standard size (mm)
Kích thước tiêu chuẩn
1600-2000 (W) x 2000-2600 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7
Thép cánh dày
Frame sheet, thickness 1.4
Thép khung dày
Door frame width sizes 110-140
Rộng Khung
Door leaf thickness sizes 50
Dày cánh
Glass box size 200/300x600x12
Kích thước ô kính

Material in the leaf door:
Vật liệu trong cánh:
Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-STEEL 302

T136 B61-01



GLX-STEEL 419

E270 M01-06



GLX-STEEL 307

E270 M01-06



GLX-STEEL 412

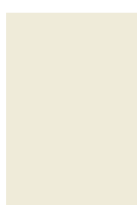
H116 G01-10



H146 M09-05



H116 G01-10



H146 A03-08



T136 B61-01



Y150 B24-67



E150 G03-01



E270 M01-06



- **Model** GALAXY 9701
Mã số
- **Material** AI Die casting
Chất liệu Hợp kim cao cấp
- **Unlocking** Mobile app/Fingerprint/Card/Pin and Override Key
Mở khóa Ứng dụng di động/Vân tay/ Thẻ từ/Mật mã và Chìa khẩn cấp
- **Capacity** 100 Fingerprints + 50 Cards + 5 User (PIN) + 2 Keys
Khả dụng 100 vân tay + 50 thẻ từ + 5 mã số + 2 chìa cơ
- **Size (mm)** 86(W) x 385(H) x 60(D)
Kích thước
- **Application** 38-80mm door thickness for villa, apartment, office...
Ứng dụng Biệt thự, căn hộ, văn phòng... với độ dày cửa 38-80mm



- **Model** GALAXY 9201
Mã số
- **Material** AI Die casting
Chất liệu Hợp kim cao cấp
- **Unlocking** Mobile app/Fingerprint/Card/Pin and Override Key
Mở khóa Ứng dụng di động/Vân tay/ Thẻ từ/Mật mã và Chìa khẩn cấp
- **Capacity** 100 fingerprints + 50 Card + 5 User (PIN) + 2 Keys
Khả dụng 100 vân tay + 50 thẻ từ + 5 mã số + 2 chìa cơ
- **Size (mm)** 86(W) x 385(H) x 60(D)
Kích thước
- **Application** 38-80mm door thickness for villa, apartment, office...
Ứng dụng Biệt thự, căn hộ, văn phòng... với độ dày cửa 38-80mm

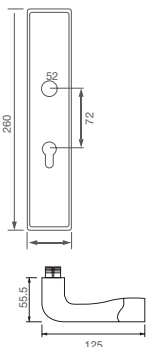


- **Model** GALAXY 9200
Mã số
- **Material** AI Die casting
Chất liệu Hợp kim cao cấp
- **Unlocking** Mobile app/Card/Pin and Override Key
Mở khóa Ứng dụng di động/Thẻ từ/ Mật khẩu và Chìa khẩn cấp
- **Capacity** 50 Cards +5 User (PIN)+ 2 Keys
Khả dụng 50 thẻ từ + 5 mã số + 2 chìa cơ
- **Size (mm)** 86(W) x 385(H) x 60(D)
Kích thước
- **Application** 38-80mm door thickness for villa, apartment, office...
Ứng dụng Biệt thự, căn hộ, văn phòng... với độ dày cửa 38-80mm

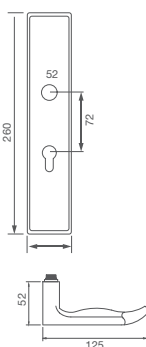


- **Model** GALAXY 9001
Mã số
- **Material** AI Die casting
Chất liệu Hợp kim cao cấp
- **Unlocking** Card and Pin
Mở khóa Thẻ từ và mật mã
- **Capacity** 50 Cards + 5 User (PIN)
Khả dụng 50 thẻ từ + 5 mã số
- **Size (mm)** 160(W) x 90(H) x 50(D)
Kích thước
- **Application** 30-120mm door thickness for villa, apartment, office...
Ứng dụng Biệt thự, căn hộ, văn phòng... với độ dày cửa 30-120mm

HANDLE LOCK FOR APARTMENT DOOR

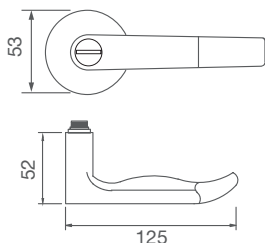


- Model** GALAXY SUSL8088SS-G
Mã số
- Description** Plate handle
Tên hàng Khóa tay gạt Galaxy 1 đầu chìa/2 đầu chìa củ chìa 80mm (Trái- phải)
- Material/ Finish** Stainless steel matt(304)
Vật liệu/ Màu hoàn thiện Inox mờ (304)

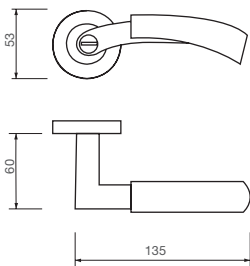


- Model** GALAXY SUSL8033SS-G
Mã số
- Description** Plate handle
Tên hàng Khóa tay gạt Galaxy 1 đầu chìa/2 đầu chìa củ chìa 80mm (Trái- phải)
- Material/ Finish** Stainless steel matt(304)
Vật liệu/ Màu hoàn thiện Inox mờ (304)

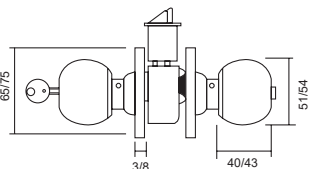
LOCK FOR ABS DOOR



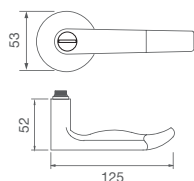
- Model** GALAXY 33LS-010
Mã số
- Description** Key and turn button lever lock
Tên hàng Khóa tay gạt 1 đầu chìa, 1 đầu xoay
- Material/ Finish** Zinc Alloy, Stainless steel matt(304)
Vật liệu/ Màu hoàn thiện Hợp kim, Inox mờ (304)



- Model** GALAXY 33LS-100
Mã số
- Description** Key and turn button lever lock
Tên hàng Khóa tay gạt 1 đầu chìa, 1 đầu xoay
- Material/ Finish** Zinc Alloy, Stainless steel matt(304)
Vật liệu/ Màu hoàn thiện Hợp kim, Inox mờ (304)



- Model** GALAXY 1000SS
Mã số
- Description** Push and key knob
Tên hàng Khóa dấm tròn một đầu chìa - 1 đầu bấm
- Material** SS 304
Chất liệu Inox 304
- Appliance** Bedroom
Ứng dụng Cửa phòng ngủ



- **Model** GALAXY 90LS-010
- **Description** Lever handle
- **Material/Finish** Stainless steel matt(304)
- **Appliance** Technical door, fireproof door

Mã số

Tên hàng

Vật liệu/

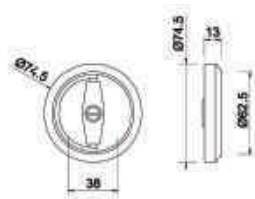
Màu hoàn thiện

Ứng dụng

Khóa tay gạt hai đầu chìa

Inox mờ (304)

Cửa kỹ thuật, cửa chống cháy



- **Model** GALAXY 70STS-ENT
- **Description** Lever handle
- **Material/Finish** Stainless steel matt(304)
- **Appliance** Technical door

Mã số

Tên hàng

Vật liệu/

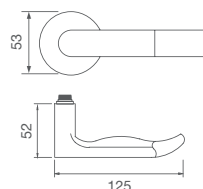
Màu hoàn thiện

Ứng dụng

Khóa móc âm

Inox mờ (304)

Cửa kỹ thuật



- **Model** GALAXY 006Z / 006S
- **Description** Lever trim for exit door
- **Material** Zinc Alloy/ SS 304
- **Appliance** Exit door

Mã số

Tên hàng

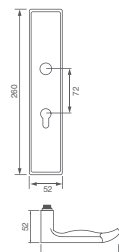
Chất liệu

Ứng dụng

Khóa cửa thoát hiểm

Hợp kim/Inox 304

Cửa thoát hiểm



- **Model** GALAXY CM50I9SS-G
- **Description** Plate handle
- **Material** Zinc Alloy

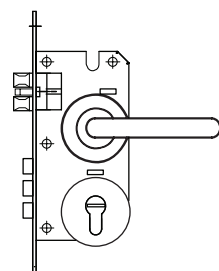
Mã số

Tên hàng

Chất liệu

Khóa tay gạt Galaxy 1 đầu chìa/2 đầu chìa củ chìa 80mm (Trái- phải)

Hợp kim



- **Model** GALAXY SUS T20 103SS-G
- **Description** Lever handle
- **Material/Finish** Stainless steel matt(304)

Mã số

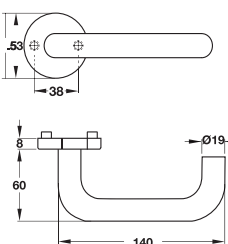
Tên hàng

Vật liệu/

Màu hoàn thiện

Khóa tay cong Galaxy 1 đầu chìa/2 đầu chìa củ chìa 80mm (Trái- phải)

Inox mờ (304)



- **Model** GALAXY 55ZC
- **Description** Lever handle
- **Material/Finish** Stainless steel matt(304)
- **Appliance** Exit door

Mã số

Tên hàng

Vật liệu/

Màu hoàn thiện

Ứng dụng

Khóa tay ngang không có ổ chìa

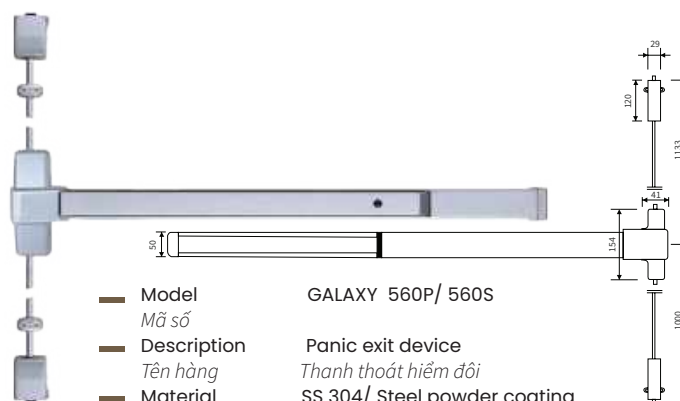
Inox mờ (304)

Cửa thoát hiểm

PANIC EXIT DEVICE

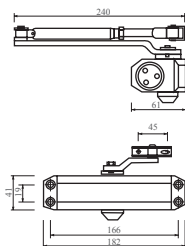


Model	GALAXY 500P/ 500S
Mã số	
Description	Panic exit device
Tên hàng	Thanh thoát hiểm đơn, không có ổ chìa
Material	SS 304/ Steel powder coating
Chất liệu	Inox 304/ Thép sơn tĩnh điện
Length	900mm
Độ dài	
Door thickness	35-50mm
Độ dày cửa	



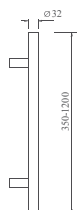
Model	GALAXY 560P/ 560S
Mã số	
Description	Panic exit device
Tên hàng	Thanh thoát hiểm đôi
Material	SS 304/ Steel powder coating
Chất liệu	Inox 304/ Thép sơn tĩnh điện
Length	900mm
Độ dài	
Door thickness	35-50mm
Độ dày cửa	

DOOR CLOSER



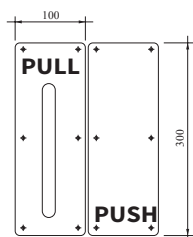
Model	GALAXY S8803/ 8803
Mã số	
Description	Standard door closer
Tên hàng	Tay co thủy lực có điểm dừng, lực đẩy ≤ 65kg
Material	Aluminium
Chất liệu	Nhôm
Durability	500.000 cycles
Độ bền	500.000 vòng
Min door width	900mm
Rộng cửa tối thiểu	

PULL HANDLE SET



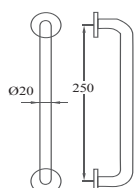
Description	Pull handle set
Tên hàng	Tay nắm kéo tiêu chuẩn
Material	SS 304/ SS 201
Chất liệu	Inox 304/ Inox 201
Size	Ø32x1.0mm
Kích thước	
Length	350mm/ 600mm/ 800mm/ 1000mm/ 1200mm
Chiều dài	
Finish	Satin/ Polish
Bề mặt	Mờ/ Bóng

PUSH AND PULL PLATE



Description	GALAXY Push and Pull plate
Tên hàng	Bảng "Kéo/Đẩy"
Size	Ø19, 300x100mm
Kích thước	
Length	300mm
Chiều dài	
Material/	
Finish	Stainless steel polished (304)
Vật liệu/	
Màu hoàn thiện	Inox bóng (304)

LEVER HANDLE



Description	Pull handle
Tên hàng	Tay nắm kéo tiêu chuẩn
Material	SS 201/ 304
Chất liệu	Inox 201/ 304
Size	Ø25x1.0mm
Kích thước	
Length	250mm
Chiều dài	
Finish	Satin/ Polish
Bề mặt	Mờ/ Bóng

BUTT FOR STEEL DOOR



Model	GALAXY 304/ 201
Mã số	
Description	Hinge
Tên hàng	Bản lề thẳng
Dimension	114x76x3mm
Kích thước	
Material/	Stainless steel
Finish	matt (304)
Vật liệu/	Màu hoàn thiện
	Inox mờ (304)

BUTT FOR ABS DOOR



Model	GALAXY ABS
Mã số	
Description	Hinge
Tên hàng	Bản lề âm dương
Dimension	102x76x3mm
Kích thước	
Material/	Stainless steel
Finish	matt (304)
Vật liệu/ Màu hoàn thiện	Inox mờ (304)

SECURITY DOOR GUARD



Model	823
Mã số	
Description	Door guard
Tên hàng	Chốt an toàn
Material	Zinc Alloy
Chất liệu	Hợp kim kẽm
Dimension	98x68mm
Kích thước	
Finish	Satin
Bề mặt	Mờ

LEVER ACTION FLUSH BOLT



Model	150/300
Mã số	
Description	Door latch
Tên hàng	Chốt âm
Dimension	25x200mm
Kích thước	
Material/	Stainless steel
Finish	matt (304)
Vật liệu/ Màu hoàn thiện	Inox mờ (304)

DOOR STOPS



Description	Door stop
Tên hàng	Chặn cửa gắn tường
Material	Zinc Alloy
Chất liệu	Hợp kim kẽm
Dimension	38x74mm
Kích thước	
Finish	Satin
Bề mặt	Mờ

FLOOR MOUNTED DOOR STOP



Description	Door stop
Tên hàng	Chặn cửa bản nguyệt
Dimension	46x28mm
Kích thước	
Material/	Stainless steel
Finish	matt (304)
Vật liệu/ Màu hoàn thiện	Inox mờ (304)

ROLLER LATCH



Description	GALAXY 938
Tên hàng	Chốt bật nhanh
Material/	Stainless steel
Finish	polished (304)
Vật liệu/ Màu hoàn thiện	Inox bóng (304)

DOOR VIEWER



Description	Door viewer
Tên hàng	Mắt quan sát
Material	Zinc Alloy
Chất liệu	Hợp kim kẽm
Dimension	30x16x28mm
Kích thước	
Finish	Antique Copper
Bề mặt	Đồng cổ

EQUIPMENT AND MATERIALS

HONEYCOMB



MAGIE OXIT



FIRE RESISTING GLASS



Description	Fire resisting glass EI
Tên hàng	Kính chống cháy EI
Thickness	15-45mm
Độ dày	
Safety	60-150 minute
Mức độ an toàn	60-150 phút

SHUTTER DOOR ENGINE



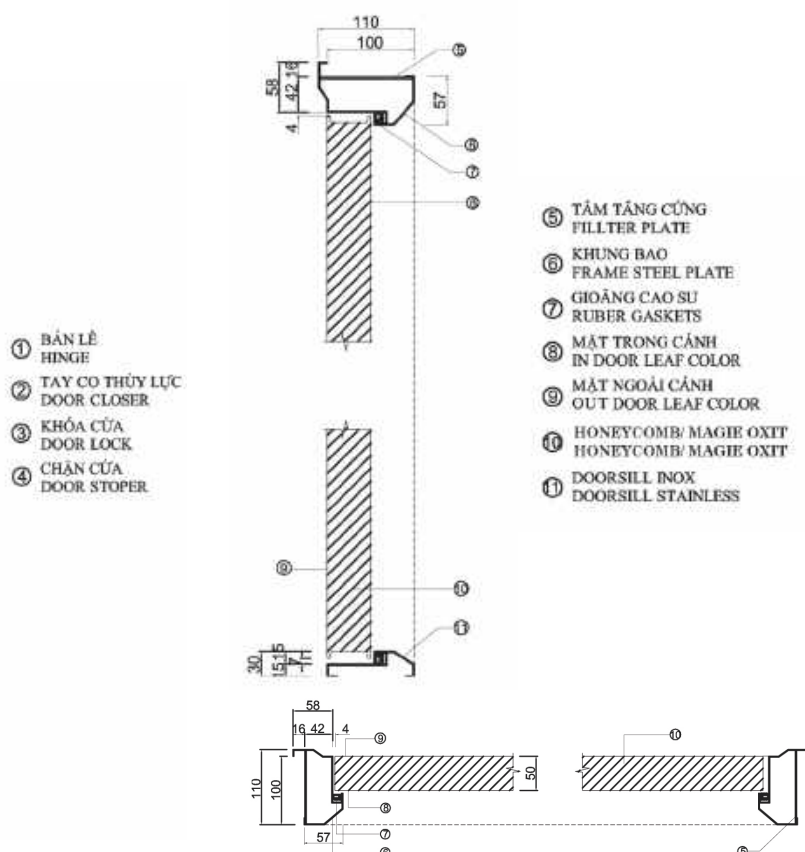
DOOR SILL SS 201/304



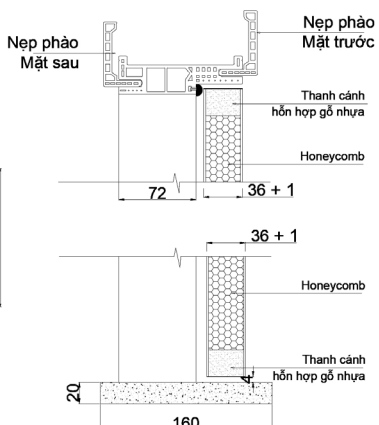
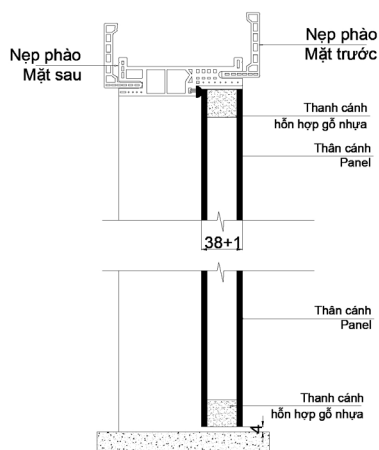
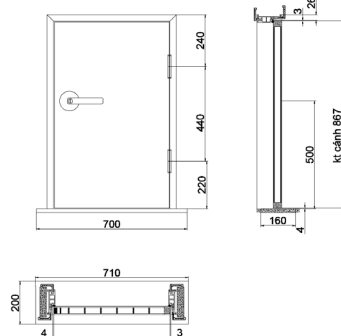
Description	Fire resisting glass E
Tên hàng	Kính chống cháy E
Thickness	8mm -12mm
Độ dày	
Safety	60 - 120 minute
Mức độ an toàn	60 - 120 phút



Description	Lead glass
Tên hàng	Kính chì
Thickness	10mm/ 12mm/ 15mm
Độ dày	



WPC PANEL





Hanoi Office: 5th Floor, Vietnam Journalists Association Building, LotE2, Cau Giay Urban Area, Duong Dinh Nghe Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

Hotline: (84) 917 941 696

HCM Office: 2nd Floor, Dreamplex Tower, 195 Dien Bien Phu Street, 15 Ward, Binh Thanh District, HCMC, Vietnam;

Tel: (84-28) 3516 3859 | **Hotline:** (84) 917 381 677

Danang Office: 363 Nguyen Huu Tho Street, Khue Trung Ward, Cam Le District, Danang, Vietnam

Hotline: (84) 914 877 796

Nhatrang Office: 2nd Floor, Palm Residences Tower, 238 Ngo Gia Tu Street, Phuoc Tien Ward, Nha Trang, Khanh Hoa Province, Vietnam

Hotline: (84) 914 877 796

Factory: Lot2 Binh Xuyen Industrial Zone, Vinh Phuc Province, Vietnam
